

Số: 142/2026/QĐST - DS

CT, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 208 và 209 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 564/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Kiên L (KienlongBank).

Địa chỉ: Số 40-42-44, đường Phạm Hồng T, phường Rạch G, tỉnh An G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M.** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T.** Địa chỉ liên hệ: Số 38-40, Đại lộ Hòa B, phường Ninh K, thành phố CT. (Giấy ủy quyền ngày 28/8/2025).

*** Bị đơn:**

1. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1970. (Có mặt).

CCCD: 093170007217, cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: Ấp Thới B, xã Phong Đ, thành phố CT.

2. Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1963. (Vắng mặt).

CCCD: 092063006179, cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: Ấp Thới B, xã Phong Đ, thành phố CT.

Người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 17/6/2026 của ông Đ: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ với bị đơn.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Thống nhất bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Kiên L (KienlongBank) tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 826.980.448 đồng (Tám trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

+ Nợ lãi quá hạn là: 59.621.918 đồng (Năm mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, chín trăm mười tám đồng).

+ Nợ thẻ tín dụng: 117.358.530 đồng (bao gồm nợ gốc 91.775.058 đồng, lãi trong hạn 20.724.344 đồng và lãi quá hạn 4.859.128 đồng).

+ Thống nhất tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp từ ngày 19/6/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

- Thống nhất về thời gian và cách thức trả nợ sẽ do Phòng thi hành án dân sự KV 3 – CT điều chỉnh.

- Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không hết nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có tổng diện tích 6.261m² (trong đó có 619 m² đất trồng cây lâu năm và 5.642 m² đất chuyên trồng lúa nước) tại thửa 48, 100, tờ bản đồ số 8 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02699 cấp ngày 08/12/2014 cho ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị X, được chỉnh lý, thay đổi vào ngày 02/12/2015. Đất tọa lạc tại ấp Thới B, xã Giai X, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ (nay là xã Phong Đ, thành phố CT) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 140/24/HĐTC ngày 19/12/2024.

- Thống nhất nếu sau khi đã phát mãi tài sản thế chấp mà vẫn không trả hết nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 18.404.706 đồng (Mười tám triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng) tại Phòng thi hành án dân sự KV 3 – CT.

Nguyên đơn được nhận lại 15.653.000 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007517 ngày 20/4/2026.

- Về chi phí thẩm định tài sản (Chi phí tố tụng):

Bị đơn chịu số tiền là 2.700.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định tài sản (chi phí tố tụng).

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả 2.700.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng cho nguyên đơn, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả đến khi trả hết số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THA cùng cấp
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kim Xuân